

Bản án số:47/2019/HS-ST

Ngày: 25-9-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Phương.

*Thẩm phán:* Ông Đặng Minh Tuân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đồng Quang Sơn

Ông Vi Tuấn Dũng

Bà Vũ Ngọc Lan

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Diệp Thu Trang - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:***  
ông Trần Thanh Hà - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 17/10/1980 tại tỉnh ND; ĐKKHKT: Tổ 2, phường HVT, thành phố TN, tỉnh TN; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức N (Nguyễn Văn N) (đã chết) và bà Ninh Thị H; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên từ ngày 22/12/2018 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

**\* Người bị hại:**

1. Bà Đỗ Thị Bạch Q, sinh năm 1968 (vắng mặt).

2. Ông Đặng Minh S, sinh năm 1968 (có mặt).

Đều trú tại tổ 3, phường TV, thành phố TN, tỉnh TN.

3. Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Trú tại: xóm CP3, xã PX, huyện ĐT, tỉnh TN.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 2, phường HVT, thành phố TN, tỉnh TN.

2. Chị Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1984 (có mặt).

Trú tại: xóm V, xã CL, huyện ĐA, Thành phố HN.

\* Người làm chứng:

1. Chị Trần Anh P, sinh 1990 (vắng mặt).

Trú tại: Tổ 13, phường TL, thành phố TN, tỉnh TN.

2. Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Trú tại: Xóm B, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, quê quán: xã TT, huyện TN, tỉnh ND; sau khi tốt nghiệp khoa toán Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã ở lại Thái Nguyên làm gia sư tự do. Tháng 5/2011, T kết hôn với chị Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1987, trú tại xã MA, huyện LN, tỉnh BG. Sau khi kết hôn, T chung sống với chị T1 tại địa chỉ: Tổ 02, phường HVT, thành phố TN. Trong các năm 2013, 2014 và năm 2018, do vay nợ tiền của nhiều người nhưng không có khả năng chi trả, T đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 02 người để trả nợ và chi tiêu cá nhân. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng tháng 3/2013, T làm gia sư dạy học cho cháu Đặng Nhật M, sinh năm 1994, có bố là ông Đặng Minh S, sinh năm 1968 và mẹ là bà Đỗ Thị Bạch Q, sinh năm 1968, đều trú tại tổ 03 phường TV, thành phố TN. Đến tháng 4/2013, vợ chồng bà Q đã nói với T về việc định đăng ký cho cháu M thi tuyển vào trường Học viện an ninh nhân dân, nếu T quen biết ai có khả năng xin cho cháu M được trúng tuyển vào nhà trường thì giới thiệu với vợ chồng bà Q để vợ chồng bà Q nhờ giúp đỡ. Lúc này, mặc dù T không có khả năng và không quen biết ai có khả năng xin cho người khác được trúng tuyển vào các trường Công an nhân dân, nhưng vì muốn có tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, nên T đã đồng ý giúp vợ chồng bà Q, nhận tiền rồi chiếm đoạt.

Sau đó, T đã nói dối với chồng bà Q về việc: T chơi với bà N1 là chỗ thân quen với ông Lê Quý V, công tác tại Bộ Công an, nên T có thể nhờ bà N1 xin cho cháu M được trúng tuyển vào trường Học viện An ninh nhân dân với mức chi phí là 1.200.000.000đồng; trong đó, gia đình bà Q phải đưa trước cho T 950.000.000đồng, còn lại số tiền 250.000.000đồng thì T sẽ nhận nốt sau khi cháu M trúng tuyển và được nhận giấy báo nhập học. Tin tưởng các thông tin T nói là thật, vợ chồng bà Q đã đồng ý nhờ T xin cho cháu M được trúng tuyển vào trường Học viện An ninh nhân dân với mức chi phí như đã nêu. Sau đó, vợ chồng bà Q đã giao cho T số tiền này làm nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 20/5/2013, ông S (là chồng bà Q) trực tiếp giao cho T số tiền 200.000.000đồng tại gian hàng bách hóa tổng hợp của vợ chồng ông S ở tầng hầm Chợ Thái. Khi nhận tiền, T đã viết “Giấy vay tiền” đề ngày 20/5/2013.

- Ngày 21/9/2013, ông S trực tiếp giao cho T số tiền 450.000.000đồng tại Ngân hàng ViettinBank, Chi nhánh Thái Nguyên. Khi nhận tiền, T đã ký xác nhận vào giấy vay tiền, đề ngày 21/9/2013 do bà Q chuẩn bị sẵn từ trước.

- Ngày 09/4/2014, ông S trực tiếp giao cho T số tiền 300.000.000đồng tại nhà của vợ chồng ông S. Khi nhận tiền T đã viết Giấy vay tiền đề ngày 09/4/2014.

Tổng cộng, vợ chồng bà Q đã giao cho T số tiền 950.000.000đồng. Sau khi nhận tiền, T không dùng vào việc xin cho cháu M trúng tuyển vào trường Học viện An ninh nhân dân, mà sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng tháng 8/2018, khi trường Học viện An ninh nhân dân công bố điểm thi của các thí sinh trên mạng INTERNET, kết quả cháu M chỉ được 05 điểm/03 môn, không trúng tuyển vào trường Học viện An ninh nhân dân. Vợ chồng bà Q gặp T hỏi thì được T trả lời: ông Lê Quý V đang xin nâng điểm cho cháu M để cháu M được trúng tuyển vào trường Học viện An ninh nhân dân, sau 10 hoặc 15 ngày nữa cháu M sẽ được nhận giấy báo nhập học. Để củng cố lòng tin với vợ chồng bà Q, T đã đặt mua qua mạng INTERNET 01 Giấy báo nhập học giả mang số 352/HVANND đề ngày 10/8/2014, có nội dung: Cháu Đặng Nhật M trúng tuyển vào trường Học viện An ninh nhân dân với kết quả thi được 26 điểm/03 môn, thời gian nhập học từ ngày 20/9/2014 đến ngày 22/9/2014 rồi đưa cho vợ chồng bà Q. Tin tưởng tờ giấy báo nhập học do T đưa là thật nên vợ chồng bà Q đã giao tiếp cho T số tiền 250.000.000đồng, nhưng không viết giấy biên nhận.

Ngày 19/9/2014, T cùng với vợ chồng bà Q đưa cháu M đến Học viện an ninh nhân dân ở Hà Nội để nhập học. Khi đến Hà Nội, T đã nói dối và bảo vợ chồng bà Q đưa thêm 2000USD để T đưa cho chị N1 đi cảm ơn những người đã giúp đỡ cho cháu M. Tin tưởng T, ông S đã đưa cho T số tiền 44.000.000đồng tương đương với 2000USD tại nhà nghỉ ở gần Học viện an ninh nhân dân. Cũng trong buổi tối ngày 19/9/2014, T còn nhờ một người lái xe ôm (không rõ lai lịch) mua 01 bộ quần áo của lực lượng an ninh với giá 250.000đ, rồi đưa cho cháu M và nói dối là quân trang của nhà trường cấp phát cho sinh viên chuẩn bị nhập học. Đồng thời, T bảo vợ chồng bà Q đưa cho T toàn bộ giấy tờ, hồ sơ nhập học của cháu M để nhờ người giúp làm thủ tục nhập học cho cháu M được nhanh chóng.

Sáng ngày 20/9/2014, biết không thể làm được thủ tục nhập học cho cháu M vào Học viện an ninh nhân dân, T đã nói dối ông S: ông Ngoại của cháu M có tiền án tiền sự chưa được xóa án tích, phải đi xin qua người thân của ông Lê Quý V thì cháu M mới được nhập học, nên việc nhập học cho cháu M phải tạm hoãn. Tin tưởng T nói là thật, trong khoảng thời gian từ cuối tháng 9/2014 đến giữa tháng 10/2014, ông S đã nhiều lần trực tiếp đưa cho T với tổng số tiền là 236.000.000đồng tại nhiều nơi ở trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

Tổng cộng vợ chồng ông Đặng Minh S và bà Đỗ Thị Bạch Q đã giao cho Nguyễn Văn T số tiền 1.480.000.000đồng. Sau khi nhận tiền của vợ chồng bà Q, T không thực hiện bất cứ việc gì giúp cháu M, mà sử dụng số tiền đã nhận để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Ngày 28/10/2018, bà Q đã làm đơn tố cáo Nguyễn Văn T gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên.

Vụ thứ hai: Tháng 12/2016, vợ chồng Nguyễn Văn T mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT, BKS 20A- 201.69, đăng ký mang tên Nguyễn Thị Hồng T1 và sử dụng chiếc xe ô tô này thế chấp cho Ngân hàng VP Bank Chi nhánh Thái Nguyên để vay số tiền 450.000.000đồng. Ngân hàng VP Bank Chi nhánh Thái Nguyên đã giữ đăng ký xe ô tô và giao xe cho vợ chồng T sử dụng. Đến tháng 02/2018, T và chị T1 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 49 ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên; về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay của vợ chồng do T và chị T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong đó có chiếc xe ô tô BKS 20A- 201.69 chị T1 vẫn là người trực tiếp quản lý, sử dụng.

Do gặp khó khăn về tài chính, T đã nảy sinh ý định làm giả giấy tờ của chiếc xe ô tô BKS 20A-201.69, rồi lừa bán cho người khác lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Trong tháng 8/2018, T đã đặt mua của một người không quen biết trên mạng INTERNET 01 giấy đăng ký chiếc xe ô tô BKS 20A- 201.69 mang tên Nguyễn Văn T, 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, có nội dung “... tất cả các tài sản, công nợ đứng tên ai, người đó có toàn quyền sở hữu và tự chịu trách nhiệm giải quyết...”, với chi phí là 6.000.000đồng.

Ngày 13/9/2018, sau khi lấy được từ chị Nguyễn Thị Hồng T1 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT, BKS 20A- 201.69, T đã sử dụng hai loại giấy tờ giả nêu trên, lừa bán xe cho anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1993, trú tại xóm CP3, xã PX, huyện ĐT, tỉnh TN, với số tiền 500.000.000đồng. Do tin tưởng các giấy tờ do T đưa ra là thật, anh Tuấn A đã đồng ý mua xe và ký hợp đồng mua bán tại Văn phòng công chứng AC, địa chỉ: Tổ dân phố Đ1, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh TN vào ngày 14/9/2018. Sau đó, T đã bàn giao xe ô tô BKS 20A- 201.69 và các giấy tờ giả cho anh Tuấn A; anh Tuấn A đã thanh toán trước cho T số tiền là 320.000.000đồng, số tiền còn lại, anh Tuấn A hẹn sau khoảng 01 tháng sẽ thanh toán nốt. Sau khi nhận được số tiền trên, T đã sử dụng hết vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân. Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Tuấn A số tiền 320.000.000đồng.

Sau khi phát hiện việc T đã bán xe cho anh Tuấn A, chị T1 đã làm đơn gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên tố cáo Nguyễn Văn T đã trộm cắp xe ô tô của chị T1 rồi làm giả giấy tờ bán xe cho anh Tuấn A. Ngày 22/02/2019 anh Tuấn A đã giao nộp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh

Thái Nguyên chiếc xe ô tô HYUNDAI BKS 20A- 201.69 cùng các giấy tờ có liên quan, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Tổng cộng Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi gian dối, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Đặng Minh S bà Đỗ Thị Bạch Q và anh Nguyễn Tuấn A số tiền 1.800.000.000đồng.

Bản cáo trạng số 42 ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo: Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T từ 13 năm tù đến 14 năm tù; Trách nhiệm dân sự các bên đã thỏa thuận bồi thường xong không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Vật chứng vụ án áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong bì còn nguyên vẹn, có hình dấu và chữ ký của các thành phần liên quan, bên ngoài ghi có đăng ký xe ô tô 20A-201.69; 01 hộp niêm phong còn nguyên vẹn, có hình dấu và chữ ký của các thành phần liên quan, bên ngoài ghi có 01 bộ quần áo là trang phục của lực lượng An ninh nhân dân; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Đồng tình với nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát về điểm, khoản, Điều luật áp dụng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã rõ, bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã tích cực cùng gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại, những người bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố bị cáo là bệnh binh được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất, miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Viện kiểm sát đối đáp: Luật sư nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát, luật sư có đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo nhất trí với luận cứ của luật sư. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo là đúng không oan. Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2016 Nguyễn Văn T đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác cụ thể.

Vụ thứ nhất: Trong thời gian từ tháng 3/2013 đến tháng 10/2014, mặc dù không có khả năng và không quen biết ai có khả năng xin cho người khác được trúng tuyển vào Học viện An ninh nhân dân, nhưng Nguyễn Văn T vẫn nhận lời giúp cháu Đặng Nhật M là con ông Đặng Minh S và bà Đỗ Thị Bạch Q, trú tại tổ 3, phường TV, thành phố TN, tỉnh TN thi đỗ vào Học viện An ninh nhân dân năm học 2014 và nhận của ông S bà Q số tiền 1.480.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền này, T không làm gì để giúp cháu M thi đỗ vào Học viện An ninh nhân dân mà chỉ tiêu, sử dụng cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Tháng 12/2016, vợ chồng Nguyễn Văn T mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, BKS 20A- 201.69, đăng ký mang tên Nguyễn Thị Hồng T1 và thế chấp cho Ngân hàng VP Bank chi nhánh Thái Nguyên để vay tiền. Đến tháng 02/2018, T và chị T1 ly hôn nhưng chưa phân chia tài sản chung. Do gặp khó khăn về tài chính, sau khi vào mạng INTERNET bị cáo đã mua của người trên mạng giấy tờ giả gồm Giấy đăng ký chiếc xe ô tô BKS 20A- 201.69 mang tên Nguyễn Văn T và 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Ngày 13/9/2018, T đã mang chiếc xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT BKS 20A- 201.69 cùng giấy tờ giả lừa bán

chiếc xe cho anh Nguyễn Tuấn A ở xóm CP3, xã PX, huyện ĐT, tỉnh TN, chiếm đoạt số tiền là 320.000.000đồng của Tuấn A sử dụng chi tiêu cá nhân.

Tổng cộng, Nguyễn Văn T đã chiếm đoạt của vợ chồng ông Đặng Minh S bà Đỗ Thị Bạch Q và anh Nguyễn Tuấn A số tiền 1.800.000.000đồng.

Với hành vi trên bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nội dung Điều luật quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2...3...4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến hoạt động cũng như uy tín của cơ quan nhà nước. Hành vi phạm tội của bị cáo phải xét xử nghiêm khắc buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng chống tội phạm chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay thành khẩn, ăn năn hối lỗi khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã khắc phục hậu quả cho các bị hại, tại phiên tòa hôm nay người bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố bị cáo là bệnh binh có công với Tổ quốc được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì, bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s,b khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Khi lượng hình Hội đồng xét xử xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng trong pháp luật nhà nước ta.

[5] Trách nhiệm dân sự: các bên đã thảo luận bồi thường xong nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với số tiền 320.000.000đ chị T1 đã trả cho anh Tuấn A và số tiền 80.000.000đ chị Kim A bồi thường cho gia đình ông S, bà Q, chị Kim A và chị T1 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả.

[6] Hình phạt bổ sung: Hiện nay bị cáo đã ly hôn, không có tài sản gì nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]Vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong và 01 bộ quần áo trang phục của lực lượng An ninh nhân dân.

[8] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Số giấy tờ giả giấy nhập học, giấy đăng ký xe ô tô, quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, bị cáo khai mua của người trên mạng, không rõ địa chỉ nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ. Bị cáo sử dụng đăng ký xe giả và giấy nhập học giả của Học viện An ninh nhân dân đây là thủ đoạn để bị cáo phạm tội lừa đảo nên cơ quan điều tra không xử lý về tội “...sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Như phân tích trên Hội đồng xét xử thấy đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa có phần nghiêm khắc. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của luật sư.

Vì các lẽ trên Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

1.Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Văn T 12 (mười hai) năm tù thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2018.

2. Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo

3. Trách nhiệm dân sự: Đã thỏa thuận bồi thường xong

4. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong còn nguyên vẹn, có hình dấu và chữ ký của các thành phần liên quan, bên ngoài ghi có đăng ký xe ô tô 20A-201.69; 01 hộp niêm phong còn nguyên vẹn, có hình dấu và chữ ký của các thành phần liên quan, bên ngoài ghi có 01 bộ quần áo là trang phục của lực lượng An ninh nhân dân.

5. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí . Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

*Điều 26 Luật thi hành án Dân Sự quy định:* “Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, những người bị hại ông Sáng vắng mặt bà Q và anh Tuấn A , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt chị

Kim A vắng mặt chỉ T1, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TANDTC, TANDCC; Sở TP;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- CA tỉnh TN; Trại TG;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Lan Phương**